TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 06/02/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hà.
Ông Lê Xuân Thư.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Cao Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 115/2017/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn T**; sinh năm 1994 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị D; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 05/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Nguyễn Danh D**; sinh năm 1974 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Danh N và bà Hoàng Thị C; Có vợ Nguyễn Thị H và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 02/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **Hoàng Ngọc T**; sinh năm 1986 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Ngọc N và bà Nguyễn Thị Đ; Có vợ Chu Thị N (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 05/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. **Lê Văn T**; sinh năm 1990 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị N; Có vợ Hoàng Thị D và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 02/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. **Tạ Duyên N**; sinh năm 1995 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Duyên Q và bà Lê Thị V; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 28/11/2017 đến ngày 08/12/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. **Nguyễn Doãn K**; sinh năm 1975 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Doãn V và bà Nguyễn Thị M; Có vợ Nguyễn Thị V và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc"; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 05/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. **Trương Tuấn A**; sinh năm 1995 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn T và bà Lê Thị L; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/02/2016 bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 02/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. **Nguyễn Hữu T**; sinh năm 1975 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị L; Có vợ Hoàng Thị H và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 05/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. **Lê Bách V**; sinh năm 1973 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: số nhà 27 đường K, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh

Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H; Có vợ Lê Thị Lan A và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 02/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. **Nguyễn Xuân S**; sinh năm 1963 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân H và bà Lê Thị C; Có vợ Lê Thị T và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 30/7/2017 đến ngày 02/8/2017 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

11. **Nguyễn Thanh H**; sinh năm 1976 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết B và bà Mã Thị T; Có vợ Đỗ Thị L và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

12. **Nguyễn Xuân T**; sinh năm 1991 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân P và bà Hoàng Thị X; Có vợ Lê Thị H và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

13. **Tạ Hữu S**; sinh năm 1971 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Hữu C và bà Nguyễn Thị H; Có vợ Hoàng Thị H và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt, có lý do.

Người làm chứng: Anh Trương Văn D, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: thôn 3, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01^{h}45’ ngày 30/7/2017 tại Hội trại ở sân vận động xã Đ, cơ quan Công an huyện Hoằng Hóa đã bắt quả tang Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A, Lê Bách V, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Tạ Hữu S đang đánh bạc theo hình thức “ba cây cầm chương”. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm 01 bộ bài túlơkhơ 36 cây và số tiền 28.200.000 đồng. Trong lúc vây bắt Tạ Hữu S lợi dụng sơ hở đã chạy thoát.

Quá trình điều tra xác định: Tối ngày 29/7/2017 Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Nguyễn Thanh H, Tạ Duyên N, Nguyễn Xuân T và Lê Bách V đến sân vận động xã Đ xem hội trại thiếu nhi. Đến khoảng 22^{h}30' cùng ngày rủ nhau vào trại thôn 3 đánh bạc, theo hình thức "ba cây cầm chương", đến khoảng 23^{h} Lê Văn T vào tham gia đánh bạc, lúc này Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thanh H, Tạ Duyên N hết tiền nên về trước. Sau đó tiếp tục có Nguyễn Xuân S, Tạ Hữu S, Hoàng Ngọc T, Nguyễn Hữu T, Trương Tuấn A, Nguyễn Doãn K đến cùng tham gia đánh bạc. Khi đánh bạc Lê Văn T có 10.000.000 đồng, Nguyễn Danh D có 2.600.000 đồng, Hoàng Ngọc T có 2.100.000 đồng, Lê Văn T có 2.100.000 đồng, Lê Bách V có 1.300.000 đồng, Nguyễn Xuân S 1.000.000 đồng, Nguyễn Thanh H 700.000 đồng, Trương Tuấn A có 700.000 đồng, Nguyễn Doãn K có 600.000 đồng, Nguyễn Xuân T 400.000 đồng và Tạ Hữu S có 300.000 đồng. Đến khoảng 01^{h}45' ngày 30/7/2017 thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm 01 bộ bài túlơkhơ 36 cây và số tiền 28.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-HH ngày 22 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Tạ Duyên N, Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A, Lê Bách V, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân T và Tạ Hữu S về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo:

- Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Tạ Duyên N mỗi bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân T mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A mỗi bị cáo từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù.

- Lê Bách V, Tạ Hữu S phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng xin Hội

đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và được cải tạo giáo dục tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tối ngày 29/7/2017 các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Nguyễn Thanh H, Tạ Duyên N, Nguyễn Xuân T và Lê Bách V đến sân vận động xã Đ xem hội trại thiếu nhi. Đến khoảng $22^h30'$ cùng ngày rủ nhau vào trại hè thôn 3 đánh bạc, theo hình thức "ba cây cầm chương", hình thức đánh bạc là sử dụng bộ bài túlơkhơ bỏ bớt đi còn sử dụng 36 lá, từ "A" đến "9" rồi một người chia (cầm chương) cho mỗi người chơi 3 lá, xác định thắng thua theo số "điểm" và "chất" theo những người chơi thỏa thuận, với tỷ lệ 1:1 với người cầm chương và những người chơi có thể cá cược với tất cả các người tham gia chơi trong chiếu bạc hoặc bất kỳ, số tiền đặt thấp nhất là 100.000 đồng. Đến khoảng 23^h Lê Văn T vào tham gia đánh bạc, lúc này Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thanh H, Tạ Duyên N hết tiền nên về trước. Sau đó tiếp tục có Nguyễn Xuân S, Hoàng Ngọc T, Nguyễn Hữu T, Trương Tuấn A, Tạ Hữu S, Nguyễn Doãn K đến cùng tham gia đánh bạc. Khi đánh bạc Lê Văn T có 10.000.000 đồng, Nguyễn Danh D có 2.600.000 đồng, Hoàng Ngọc T có 2.100.000 đồng, Lê Văn T có 2.100.000 đồng, Lê Bách V có 1.300.000 đồng, Nguyễn Xuân S 1.000.000 đồng, Nguyễn Thanh H 700.000 đồng, Trương Tuấn A có 700.000 đồng, Nguyễn Doãn K có 600.000 đồng, Nguyễn Xuân T 400.000 đồng và Tạ Hữu S có 300.000 đồng. Hành vi đánh bạc của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Tạ Duyên N, Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A, Lê Bách V, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân T và Tạ Hữu S tham gia đánh bạc đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Đánh bạc" tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật

Hình sự.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0^{h}00’ ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà thời điểm này mới xét xử sơ thẩm và Bộ luật Hình sự số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực thi hành nên áp dụng theo Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm”* và theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định *“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*, như vậy theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội “Đánh bạc” nhẹ hơn Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định có lợi hơn cho người phạm tội so với Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội nhẹ hơn Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nên được áp dụng các điều luật có lợi cho người phạm tội. Các điều luật khác không có sự thay đổi, các bị cáo phạm tội trước 0^{h}00’ ngày 01 tháng 01 năm 2018 nên được áp dụng quy định của các điều luật đó theo Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đây là một tệ nạn của xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội đánh bạc là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc, phân công tổ chức nhưng để có hình phạt phù hợp với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Đối với bị cáo Lê Văn T là người trực tiếp đánh bạc, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều nhất nên xếp ở vai trò thứ nhất của vụ án, có hình phạt cao nhất, tiếp theo các bị cáo Nguyễn Danh D, Lê Văn T, Hoàng Ngọc T có số tiền đánh bạc nhiều tiếp theo nên ở vai trò nhóm thứ hai của vụ

án, tiếp theo các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Tạ Duyên N số tiền tham gia đánh bạc ở nhóm tiếp theo và các bị cáo Trương Tuấn A, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Doãn K, Nguyễn Xuân T, Lê Bách V, Tạ Hữu S có số tiền ít trong số các bị cáo tham gia đánh bạc nên hình phạt áp dụng cũng thấp hơn các bị cáo trên.

[4] *Xét về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A), quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tiền án, tiền sự không, bị cáo Nguyễn Xuân S có thời gian phục vụ trong quân đội, làm nhiệm vụ quốc tế, bố của bị cáo Nguyễn Doãn K có thành tích được tặng "Bằng khen". Do đó áp dụng các quy định của khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, căn cứ Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà cho cải tạo giáo dục tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo xếp ở vai trò sau trong vụ án có thể chuyển sang loại hình phạt khác.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích thu lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Doãn K có đơn đề nghị xem xét hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và các bị cáo đã áp dụng hình chính bằng tiền không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[6] *Về vật chứng*: Số tiền 28.200.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Bộ bài túlơkhơ 36 cây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Tạ Duyên N, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A, Nguyễn Xuân T, Lê Bách V và Tạ Hữu S phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Xuân S) Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: - Bị cáo Lê Văn T **15** (*Mười lăm*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (*Ba mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Danh D **12** (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Bị cáo Hoàng Ngọc T **12** (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Bị cáo Lê Văn T **12** (*Mười hai*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (*Hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Hữu T **09** (*Chín*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (*Mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

- Bị cáo Tạ Duyên N **09** (*Chín*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (*Mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Xuân S **06** (*Sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12** (*Mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Thanh H **05** (*Năm*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12** (*Mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Căn cứ vào khoản 1 (khoản 3 đối với bị cáo Trương Tuấn A) Điều 248, điểm p khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Doãn K) Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 35 (đối với bị cáo Trương Tuấn A) của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: - Bị cáo Nguyễn Doãn K **03** (*Ba*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ

ngày 30/7/2017 đến ngày 05/8/2017. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày đi thi hành án hình sự.

- Bị cáo Trương Tuấn A **03** (*Ba*) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/7/2017 đến ngày 02/8/2017. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày đi thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T **03** (*Ba*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12** (*Mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Tạ Duyên N, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân T cho Uỷ ban nhân dân xã Hoằng Đồng, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa để giám sát và giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Bách V 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Hữu S 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu số tiền 28.200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước (Theo biên lai thu tiền số AA/0000765 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

- Tịch thu tiêu hủy một bộ bài tú lơ khơ 36 cây (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 18/BBGN ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Tạ Duyên N, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A, Nguyễn Xuân T, Lê Bách V và Tạ Hữu S mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Danh D, Hoàng Ngọc T, Lê Văn T, Tạ Duyên N, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Xuân S, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Doãn K, Trương Tuấn A, Nguyễn Xuân T, Lê Bách V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Tạ Hữu S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa.*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa.*
- *Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa.*
- *Cơ quan THA hình sự huyện Hoằng Hóa.*
- *Chi cục THA dân sự huyện Hoằng Hóa.*
- *Các bị cáo.*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*